TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giang Văn Thảo

Bà Dương Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Trung D, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, Tổ 21 (cũ 12), phường V, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Số nhà 222, đường L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 42C/26, Tổ dân phố C6, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Đặng Trung D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cũng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và đặc biệt là không có sự tin tưởng nhau về tình cảm. Từ năm 2015 đến nay anh và chị L đã sống ly thân, không còn

quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L theo quy định của pháp luật để hai bên có điều kiện ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Đặng Gia N, sinh ngày 04/5/2013. Anh và chị L thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị L không tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 30/7/2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị và anh Đặng Trung D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống hòa thuận, đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh D công tác tại Hà Nội chỉ cuối tuần mới về nhà nên giữa chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau. Từ năm 2015 đến nay, chị và anh D không còn liên quan gì đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế, ngoài sự ràng buộc với nhau bởi con chung. Vì vậy, chị cũng nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D theo quy định của pháp luật để chị có điều kiện tạo dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Đặng Gia N, sinh ngày 04/5/2013 sống cùng với chị từ khi sinh ra cho đến nay được chị chăm sóc tốt và học hành ổn định. Vì vậy, khi ra Tòa chị và anh D đã thống nhất giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh D không tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định các tại điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 đến 2015, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L không phải là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh D và chị L có 01 con chung là Đặng Gia N, sinh ngày 04/5/2013, hai bên thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Do anh D và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Anh D phải nộp án phí sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L hiện cư trú tại nơi cư trú: Số 42C/26, Tổ dân phố C6, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L chung sống như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2015, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Khoản 1 của Điều luật này quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.*

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng".

Vì vậy, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh D và chị L thỏa thuận giao con chung là Đặng Gia N, sinh ngày 04/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh D và chị L xác nhận hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh D phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Trung D và chị Nguyễn Thị Thùy L về việc giao con chung là Đặng Gia N, sinh ngày 04/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh D và chị L xác nhận hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Trung D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005147 ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình